

Số: 08/NQ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển
Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2021-2025 về công tác bảo đảm
chất lượng, kiểm định và xếp hạng**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16 tháng 8 năm 1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4790/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 1038/NQ-ĐHNT ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng tại Tờ trình số 40/TTr-ĐHNT ngày 18 tháng 01 năm 2020 đề nghị phê duyệt Kế hoạch về đào tạo và đảm bảo chất lượng, giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2021-2025 về công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định và xếp hạng.

Điều 2. Giao Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai Kế hoạch đã nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này và báo cáo rà soát về kết quả thực hiện Kế hoạch cho Hội đồng trường trước

ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng trường; Hiệu trưởng, các trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Nha Trang; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Đảng ủy (để b/c);
- Lưu: VT, HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Khổng Trung Thắng

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**



**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỀ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG,
KIỂM ĐỊNH VÀ XẾP HẠNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ/ĐHNT ngày 16 tháng 02 năm 2022
của Hội đồng trường)*

Khánh Hòa, tháng 02 năm 2022

1. Quan điểm về công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng và xếp hạng giai đoạn 2021-2025

- Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng (BĐCL) Nhà trường phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục; lấy chính sách BĐCL làm phương hướng cho các hoạt động của Nhà Trường.

- Sử dụng các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng làm công cụ để tự đánh giá và không ngừng cải tiến chất lượng, lấy kết quả kiểm định chất lượng làm căn cứ để xác định chất lượng, thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình với các bên liên quan.

- Xác lập vị thế, uy tín Nhà trường thông qua kiểm định, xếp hạng trong nước và quốc tế.

2. Mục tiêu đến năm 2025

Trường Đại học Nha Trang có tên trong bảng xếp hạng trong nước và quốc tế; kiểm định chất lượng giáo dục cấp Trường và cấp chương trình đào tạo (CTĐT) theo chuẩn trong nước và quốc tế trở thành hoạt động thường xuyên.

3. Các chỉ tiêu, giải pháp/đề án và hoạt động

3.1 Các chỉ tiêu then chốt

- Đạt chuẩn kiểm định chất lượng Nhà trường lần 3;

- 100% các CTĐT hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 50% CTĐT đạt chuẩn kiểm định trong nước/AUN-QA; mỗi khoa/viện đào tạo có ít nhất 01 CTĐT đạt chuẩn kiểm định; 100% CTĐT ngành khoa học công nghệ biển và thủy sản đạt chuẩn kiểm định trong nước/AUN-QA;

- Trường thuộc nhóm 20 cơ sở giáo dục đại học đứng đầu theo bảng xếp hạng Webometrics trong hệ thống các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam và thuộc nhóm 30 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu của cả nước theo các chỉ số xếp hạng khác.

3.2. Giải pháp

- Hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong;

- Hoàn thiện hệ thống thông tin về hoạt động BĐCL, kiểm định chất lượng và xếp hạng;

- Phát triển đội ngũ và xây dựng mạng lưới BĐCL, hướng tới phát triển văn hóa chất lượng;

- Đẩy mạnh tự đánh giá (TĐG), đánh giá ngoài (ĐGN) cấp CTĐT và cấp cơ sở giáo dục;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tham gia các bảng xếp hạng.

Kế hoạch bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng và xếp hạng giai đoạn 2021-2025 được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1: Kế hoạch bảo đảm chất lượng, kiểm định và xếp hạng giai đoạn 2021-2025

Chỉ tiêu then chốt		Các chỉ tiêu được phân kỳ theo từng năm học		
		NH 2021 - 2022	NH 2022 - 2023	NH 2023 - 2024 NH 2024 - 2025
1	Đạt chuẩn kiểm định chất lượng Nhà trường lần 3.		Nhận giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định	
2	100% các CTĐT hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 50% CTĐT đạt chuẩn kiểm định chất lượng trong nước/AUN-QA; mỗi khoa/viện đào tạo có nhất 1 CTĐT đạt chuẩn kiểm định chất lượng; 100% CTĐT các ngành khoa học-công nghệ biên và thủy sản đạt chuẩn kiểm định chất lượng trong nước/AUN-QA.	Thực hiện TĐG và ĐGN: <u>Đợt 1</u> : 02 CTĐT ngành Công nghệ sinh học (CNSH) và Nuôi trồng thủy sản (NTTS); <u>Đợt 2</u> : 06 CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm (CNTP), Công nghệ thông tin (CNTT), Kế toán (KT), Quản trị kinh doanh (QTKD), Quản lý thủy sản (QLTS), Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (QTDV DL&LH).	Thực hiện TĐG và ĐGN: 07 CTĐT ngành Kỹ thuật cơ khí (KTCK), Kinh doanh thương mại (KDTM), Kỹ thuật xây dựng (KTXD), Kỹ thuật điện (KTĐ), Kỹ thuật ô tô (KTOTO), Tài chính Ngân hàng (TCNH), Ngôn ngữ Anh (NNA). Thực hiện đánh giá giữa kỳ: 02 CTĐT ngành Kỹ thuật tàu thủy (KTTT) và Công nghệ chế biến thủy sản (CNCBTS).	Thực hiện TĐG và ĐGN: 04 CTĐT ngành Marketing, Kỹ thuật Cơ điện tử (KTCĐT), Hệ thống thông tin quản lý (HITTTQL), Kinh tế phát triển (KITPT).
3	Trường thuộc nhóm 20 cơ sở giáo dục đại học đứng đầu theo bảng xếp hạng Webometrics trong hệ thống các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam và thuộc nhóm 30 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong cả nước theo các chỉ số xếp hạng khác.	Tập huấn về xếp hạng. Tham gia đối sánh và gắn sao theo các tiêu chí của Bảng xếp hạng đại học của Việt Nam - UPM (University Performance Metrics) cho 01-02 CTĐT. Tham gia xếp hạng Nhà trường theo Webometrics. Thực hiện lựa chọn 4 trong 17 tiêu chí thế mạnh của Nhà Trường để tham gia THE IMPACT	Xác lập, giám sát và cải thiện vị trí xếp hạng trên các bộ tiêu chí: Webometrics, UPM và THE IMPACT RANKINGS	

RANKINGS.		CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ	
STT	Các giải pháp	Các hoạt động số 1: Rà soát các chính sách, quy định và quy trình	Các hoạt động số 2: Hoàn thiện quy định và quy trình
1	Giải pháp 1: Hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong (Hệ thống BĐCL bên trong theo AUN-QA gồm: - Các chính sách, quy định và quy trình BĐCL; - Các công cụ giám sát; - Các công cụ đánh giá; - Các công cụ BĐCL, đối sánh, hệ thống lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, đánh giá và kiểm định nội bộ, sổ tay BĐCL,...).	1. Hoạt động số 1: Rà soát các chính sách, quy định và quy trình - Chủ trì: P.ĐBCL&KT - Phối hợp: Các đơn vị - Kết quả kỳ vọng: Các quy định, quy trình, chính sách, kế hoạch chiến lược và BĐCL được rà soát, lập danh mục để hoàn thiện và ban hành.	1. Hoạt động số 1: Hoàn thiện quy định và quy trình 1.1. Hoàn thiện các quy trình, quy định BĐCL chung. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: các đơn vị liên quan. 1.2. Hoàn thiện các quy trình, quy định BĐCL về người học. - Chủ trì: P.CTCT&SV, các đơn vị đào tạo, P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: các đơn vị liên quan. 1.3. Hoàn thiện các quy trình, quy định BĐCL về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học. - Chủ trì: TT. PVTH, P. KHTC, P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: các đơn vị liên quan. 1.4. Hoàn thiện các quy trình, quy định BĐCL về đội ngũ. - Chủ trì: P. TCNS, P.ĐBCL&KT, các đơn vị liên quan. - Phối hợp: các đơn vị liên quan. - Kết quả kỳ vọng: Có 4 quy trình, quy định được hoàn thiện.
		- Dự kiến kinh phí: Không có	- Dự kiến kinh phí: Không có
		2. Hoạt động số 2: Hoàn thiện công cụ giám sát 2.1. Hoàn thiện công cụ giám sát tiến trình người học. - Chủ trì: P.CTCTSV; Phối hợp: Các đơn vị đào tạo, P.ĐBCL&KT, P.CNNTT. - Kết quả kỳ vọng: + Quy trình theo dõi tiến trình người học; + Tổng hợp báo cáo định kỳ dữ liệu người học; + Tích hợp hệ thống quản lý đào tạo để thông báo tới người học biết và cải tiến thường xuyên. 2.2. Hoàn thiện công cụ giám sát hoạt động NCKH của người học và giảng viên (GV). - Chủ trì: P.KHCN; Phối hợp: Các đơn vị đào tạo, P.ĐBCL&KT, P.CNNTT. - Kết quả kỳ vọng: + Quy trình đo lường đánh giá hiệu suất NCKH của người học và GV; + Báo cáo định kỳ tổng hợp, đối sánh khối lượng tham gia NCKH của người học và GV. 2.3. Hoàn thiện công cụ giám sát hoạt động dạy và học. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT; Phối hợp: các đơn vị đào tạo - Kết quả kỳ vọng: + Quy trình giám sát các hoạt động dạy và học; + Báo cáo định kỳ tổng hợp kết quả giám sát hoạt động dạy và học.	

	2.4. Hoàn thiện công cụ giám sát hoạt động phục vụ cộng đồng và hỗ trợ người học. - Chủ trì: TT HTVL&KN, P.CTCTSV; Phối hợp: P.ĐBCL&KT, P.CNNTT. - Kết quả kỳ vọng: + Quy trình lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động phục vụ cộng đồng; + Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi hàng năm; + Quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng. 2.5. Hoàn thiện công cụ giám sát sinh viên (SV) bỏ học, chất lượng SV tốt nghiệp, tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. - Chủ trì: P.CTCTSV, các đơn vị đào tạo, TT HTVL&KN; Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: + Quy trình lấy ý kiến Nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên; + Báo cáo định kỳ tổng hợp ý kiến phản hồi; + Giải pháp nhằm hạn chế SV bỏ học.
	- Dự kiến kinh phí: Không có. 3. Hoạt động số 3: Hoàn thiện công cụ đánh giá 3.1. Hoàn thiện công cụ đánh giá khóa học và CTĐT. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT; Phối hợp: Các đơn vị liên quan. - Kết quả kỳ vọng: + Xây dựng tiêu chí đánh giá khóa học và CTĐT; + Quy trình thiết kế, đánh giá, rà soát CTĐT; + Hệ thống xây dựng CDR của CTĐT; + Báo cáo kết quả đánh giá khóa học và CTĐT. 3.2. Hoàn thiện công cụ đánh giá người học. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT; Phối hợp: Các đơn vị tổ chức đào tạo. - Kết quả kỳ vọng: + Quy định phương pháp và hình thức đánh giá người học; + Quy trình lựa chọn và thực hiện phương pháp và hình thức phù hợp; + Báo cáo kết quả đánh giá người học nhằm đảm bảo công bằng, độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt CDR. 3.3. Hoàn thiện công cụ đánh giá CBVC (GV, chuyên viên, nhân viên,...) - Chủ trì: P.TCNS và P.ĐBCL&KT; Phối hợp: các đơn vị liên quan - Kết quả kỳ vọng: + Bộ tiêu chuẩn giảng viên, chuyên viên, nhân viên; + Quy trình thực hiện đánh giá; + Báo cáo kết quả đánh giá giảng viên, chuyên viên, nhân viên. 3.4. Hoàn thiện công cụ đánh giá các hoạt động dịch vụ. - Chủ trì: TT.PVTH và P.KHTC; Phối hợp: các đơn vị liên quan - Kết quả kỳ vọng: + Quy chế hoạt động dịch vụ; + Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng hoạt động dịch vụ.

	- Dự kiến kinh phí: Không có. 4. Hoạt động số 4: Tổ chức định kỳ lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan (BLQ) về CTĐT, hoạt động đào tạo và các hoạt động liên quan - Chủ trì: Các đơn vị được giao tổ chức lấy ý kiến; Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: + Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi các BLQ; + Báo cáo sử dụng kết quả lấy ý kiến phản hồi các BLQ để cải tiến chất lượng. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định được kinh phí (đối với lấy ý kiến doanh nghiệp và cựu sinh viên).
	5. Hoạt động số 5: Xây dựng quy định, nội dung so sánh và đối sánh cơ sở giáo dục và CTĐT. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị liên quan. - Kết quả kỳ vọng: + Quy định so chuẩn và đối sánh chất lượng giáo dục; + Kế hoạch và các tiêu chí so chuẩn và đối sánh. 5. Hoạt động số 5: Xác định đối tác và triển khai đối sánh, so chuẩn nội bộ và bên ngoài - Chủ trì: Các đơn vị chức năng, các đơn vị quản lý CTĐT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: + Xác định đối tác cần so chuẩn và đối sánh; + Báo cáo kết quả so chuẩn và đối sánh; + Kế hoạch cải tiến chất lượng. - Dự kiến kinh phí: Không có.
2	Giải pháp 2: Hoàn chỉnh hệ thống thông tin hoạt động BĐCL, kiểm định và xếp hạng. - Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng gồm: + Cơ sở dữ liệu BĐCL và xếp hạng; + Cơ sở hạ tầng; 1. Hoạt động số 1: Rà soát hệ thống quản lý thông tin các hoạt động BĐCL. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị liên quan. - Kết quả kỳ vọng: + Báo cáo kết quả rà soát cơ sở dữ liệu, đặc biệt dữ liệu 1. Hoạt động số 1: Xây dựng công cụ và hoàn thiện cơ sở hạ tầng đáp ứng lưu trữ và trích xuất thông tin theo nhu cầu. - Chủ trì: P.CNTT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: + Hệ thống lưu trữ dữ liệu; 1. Hoạt động số 1: Nâng cấp hệ thống thông tin về các hoạt động BĐCL và xếp hạng. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị liên quan. - Kết quả kỳ vọng: Hoàn thiện hệ thống thông tin có - Dự kiến kinh phí: Không có
	1. Hoạt động số 1: Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng lưu trữ và trích xuất thông tin theo nhu cầu. - Chủ trì: P.CNTT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: + Hệ thống lưu trữ dữ liệu; + Công cụ hỗ trợ đáp ứng

- Hệ thống thông tin đảm bảo tính mở, đầy đủ, cập nhật, tính liên thông, phân quyền và bảo mật.	tại các đơn vị, lưu trữ và truy xuất thông tin; + Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi các BLQ về hệ thống quản lý thông tin. - Dự kiến kinh phí: Không có. 2. Hoạt động số 2: Rà soát, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu cấp phát văn bản, chứng chỉ lên hệ thống cơ sở dữ liệu. - Chủ trì: Các đơn vị liên quan. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: Cơ sở dữ liệu hoàn thiện trên hệ thống. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số)	+ Công cụ hỗ trợ đáp ứng yêu cầu công tác BĐCL và xếp hạng. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số) 2. Hoạt động số 2: Cập nhật định kỳ dữ liệu cấp phát văn bản, chứng chỉ lên hệ thống cơ sở dữ liệu chung. - Chủ trì: Các đơn vị quản lý đào tạo. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: Cơ sở dữ liệu cấp phát văn bản, chứng chỉ đầy đủ và cập nhật phục vụ tra cứu khi cần. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số) 3. Hoạt động số 3: Xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin minh chứng phục vụ TĐG, ĐGN và xếp hạng. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị. - Kết quả kỳ vọng: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu trên hệ thống. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số)	tính mở, đầy đủ, cập nhật, tính liên thông, phân quyền và bảo mật. yêu cầu công tác BĐCL và xếp hạng. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số) 2. Hoạt động số 2: Cập nhật định kỳ dữ liệu cấp phát văn bản, chứng chỉ lên hệ thống cơ sở dữ liệu chung. - Chủ trì: Các đơn vị quản lý đào tạo. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: Cơ sở dữ liệu cấp phát văn bản, chứng chỉ đầy đủ và cập nhật phục vụ tra cứu khi cần. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số) 3. Hoạt động số 3: Xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin minh chứng phục vụ TĐG, ĐGN và xếp hạng. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị. - Kết quả kỳ vọng: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu trên hệ thống. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số)
3	Giải pháp 3: Phát triển đội ngũ và xây dựng mạng lưới BĐCL, hướng tới phát	1. Hoạt động số 1: Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ hàng năm cho CBVC làm công tác BĐCL và KĐCL. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị liên quan.	yêu cầu công tác BĐCL và xếp hạng. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số) 2. Hoạt động số 2: Cập nhật định kỳ dữ liệu cấp phát văn bản, chứng chỉ lên hệ thống cơ sở dữ liệu chung. - Chủ trì: Các đơn vị quản lý đào tạo. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: Cơ sở dữ liệu cấp phát văn bản, chứng chỉ đầy đủ và cập nhật phục vụ tra cứu khi cần. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số) 3. Hoạt động số 3: Xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin minh chứng phục vụ TĐG, ĐGN và xếp hạng. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị. - Kết quả kỳ vọng: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu trên hệ thống. - Dự kiến kinh phí: Chưa xác định (Sử dụng kết hợp Đề án chuyển đổi số)

triển văn hóa chất lượng. - Phát triển đội ngũ làm công tác BĐCL; - Xây dựng mạng lưới đến các đơn vị; (Lấy nguyên tắc PDCA trong triển khai hoạt động; TĐG và cải tiến trở thành hoạt động thường xuyên, liên tục).	- Kết quả kỳ vọng: + Chứng nhận/Chứng chỉ nghiệp vụ BĐCL, KDCL trong nước và quốc tế; + Tối thiểu có 10 CBVC đạt chứng nhận/chứng chỉ/năm học. - Dự kiến kinh phí: 50.000.000 đồng/1 năm.			
	2. Hoạt động số 2: Xây dựng chính sách, cơ chế hoạt động và hoàn thiện mạng lưới BĐCL. - Chủ trì: P.TCNS và P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị. - Kết quả kỳ vọng: + Ban hành QĐ kiện toàn mạng lưới BĐCL; + Chính sách và quy định cơ chế hoạt động của mạng lưới BĐCL. - Dự kiến kinh phí: Không có.	2. Hoạt động số 2: Phát triển mạng lưới BĐCL. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT - Phối hợp: Các đơn vị - Kết quả kỳ vọng: Báo cáo kết quả thực hiện công tác BĐCL tại đơn vị.	- Dự kiến kinh phí: Không có.	- Dự kiến kinh phí: Không có.
4	Giải pháp 4: Đẩy mạnh TĐG, ĐGN cấp CTĐT và cấp cơ sở giáo dục. (Dựa vào kế hoạch kiểm định Nhà trường lần 3 vào năm 2023 và kế hoạch kiểm định các CTĐT giai đoạn 2021-2025 theo QĐ số 1291/QĐ-ĐHNT ban hành ngày 02/12/2021).	1. Hoạt động số 1: Tự đánh giá 06 CTĐT: QTKD, CNTT, Kế toán, DL, CNTT, QLTS. - Chủ trì: Các đơn vị thực hiện CTĐT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: 06 BC tự đánh giá và danh mục MC. - Dự kiến kinh phí: 570.000.000 đồng (95.000.000đ/CTĐT).	1. Hoạt động số 1: Tự đánh giá 07 CTĐT. - Chủ trì: Các đơn vị thực hiện CTĐT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: + Thành lập 07 HĐ và Kế hoạch TĐG; + 07 BC tự đánh giá và danh mục MC. - Dự kiến kinh phí: 665.000.000 đồng (95.000.000đ/CTĐT).	1. Hoạt động số 1: Tự đánh giá 04 CTĐT. - Chủ trì: Các đơn vị thực hiện CTĐT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT - Kết quả kỳ vọng: + Thành lập 04 HĐ và Kế hoạch TĐG; + 04 BC tự đánh giá và danh mục MC. - Dự kiến kinh phí: 380.000.000 đồng (95.000.000đ/CTĐT).

	2. Hoạt động số 2: Đánh giá ngoài 06 CTĐT. - Chủ trì: Các đơn vị thực hiện CTĐT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: 6 BC đánh giá ngoài. - Dự kiến kinh phí: 1.860.000.000 đồng (310.000.000đ/CTĐT, giá dự kiến cho ĐGN từ 02 CTĐT trở lên). 3. Hoạt động số 3: Báo cáo thực hiện cải tiến giữa kỳ và xây dựng kế hoạch TĐG Nhà trường. - Chủ trì: Các đơn vị được phân công chủ trì. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: + Báo cáo kết quả thực hiện theo Kế hoạch số 66; + Đề xuất điều chỉnh. - Dự kiến kinh phí: Không có.	2. Hoạt động số 2: Đánh giá ngoài 07 CTĐT. - Chủ trì: Các đơn vị thực hiện CTĐT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: 7 BC đánh giá ngoài. - Dự kiến kinh phí: 2.520.000.000 đồng (360.000.000đ/CTĐT, giá dự kiến cho ĐGN từ 02 CTĐT trở lên). 3. Hoạt động số 3: Tự đánh giá và đánh giá ngoài Nhà trường. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị. - Kết quả kỳ vọng: + Báo cáo TĐG và danh mục MC được Bộ GD&ĐT phê duyệt; + Nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục lần 3. - Dự kiến kinh phí: 900.000.000 đồng.	2. Hoạt động số 2: Đánh giá ngoài 04 CTĐT. - Chủ trì: Các đơn vị thực hiện CTĐT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: 04 BC đánh giá ngoài. - Dự kiến kinh phí: 3.1.640.000.000 đồng (410.000.000đ/CTĐT, giá dự kiến cho ĐGN từ 02 CTĐT trở lên). 3. Hoạt động số 3: Xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến chất lượng Nhà trường giai đoạn 2023-2028. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị. - Kết quả kỳ vọng: Bản kế hoạch TĐG Nhà trường giữa chu kỳ kiểm định chất lượng. - Dự kiến kinh phí: Không có.	2. Hoạt động số 2: Đánh giá ngoài 04 CTĐT. - Chủ trì: Các đơn vị thực hiện CTĐT. - Phối hợp: P.ĐBCL&KT. - Kết quả kỳ vọng: 4 BC đánh giá ngoài. - Dự kiến kinh phí: 1.880.000.000 đồng (470.000.000đ/CTĐT, giá dự kiến cho ĐGN từ 02 CTĐT trở lên). Hoạt động số 3: Tự đánh giá giữa kỳ kiểm định chất lượng Trường giai đoạn 2023-2028. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: Các đơn vị. - Kết quả kỳ vọng: + Báo cáo TĐG cấp Trường giữa chu kỳ; + Bản kế hoạch cải tiến Nhà trường giữa chu kỳ. - Dự kiến kinh phí: 150.000.000 đồng.
5	Giải pháp 5: Xây dựng và triển khai kế hoạch tham gia các bảng xếp hạng nhà trường và CTĐT. (Tham gia tổ chức đối sánh, gắn sao UPM, xếp	1. Hoạt động số 1: Tập huấn công tác xếp hạng theo UPM, Webometrics và lựa chọn thế mạnh Nhà trường tham gia tổ chức xếp hạng quốc tế THE IMPACT RANKING.	1. Hoạt động số 1: Truyền thông và triển khai tham gia đối sánh gắn sao UPM cho CTĐT đã kiểm định theo UPM, xếp hạng nhà trường theo UPM, WEBOMETRICS và THE IMPACT RANKING. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT. - Phối hợp: VP Trường, P. ĐTDH. - Kết quả kỳ vọng: 02-04 CTĐT được đối sánh và gắn sao.	1. Hoạt động số 1: Truyền thông và tiếp tục phân đầu nâng cao công tác xếp hạng Nhà trường theo tổ chức xếp hạng THE IMPACT RANKING. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT.

<i>hạng quốc tế:</i> WEBOMETRICS và THE IMPACT RANKING, kế hoạch chi tiết cần thực hiện theo Đề án riêng).	Triển khai tham gia đối sánh và gắn sao theo UPM của CTĐT ngành NTTS. - Chủ trì: P.ĐBCL&KT và viện NTTS. - Phối hợp: Các đơn vị. - Kết quả kỳ vọng: Gắn 4 sao cho CTĐT ngành NTTS.	theo UPM. - Cải thiện vị trí xếp hạng nhà trường theo WEBOMETRICS và tham gia xếp hạng UPM, THE IMPACT RANKING	- Phối hợp: VP Trường, P. HTQT - Kết quả kỳ vọng: Thuộc nhóm 20 cơ sở giáo dục đại học đứng đầu theo bảng xếp hạng Webometrics trong hệ thống các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam; thuộc nhóm 30 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu của cả nước theo các chỉ số xếp hạng UPM, hoặc THE IMPACT RANKING. - Dự kiến kinh phí: chưa xác định được kinh phí.
Tổng số hoạt động	14 hoạt động	14 hoạt động	14 hoạt động
Tổng kinh phí dự kiến	04 hoạt động dự trừ kinh phí: 2.585.000.000 đồng. 03 hoạt động chưa dự trừ được kinh phí 07 hoạt động không có kinh phí	05 hoạt động dự trừ kinh phí: 4.295.000.000 đồng. 04 hoạt động chưa dự trừ được kinh phí 05 hoạt động không có kinh phí	04 hoạt động dự trừ kinh phí: 2.460.000.000 đồng. 05 hoạt động chưa dự trừ được kinh phí 05 hoạt động không có kinh phí

4. Tổ chức thực hiện

- Hội đồng trường: Phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

- Ban Giám hiệu: Cụ thể Kế hoạch bằng các hoạt động triển khai theo năm học và dự toán kinh phí; tổ chức chỉ đạo, giám sát việc chủ trì và phối hợp hoạt động của các đơn vị được phân công theo Kế hoạch.

- Huy động và phân bổ nguồn lực: Căn cứ vào khả năng tài chính và tầm quan trọng của các hoạt động để huy động và phân bổ nguồn kinh phí thực hiện;

- Báo cáo, giám sát, điều chỉnh: Phòng ĐBCL&KT có trách nhiệm làm đầu mối và cùng với các đơn vị chủ trì được phân công thực hiện việc tổng hợp, báo cáo, triển khai giám sát các hoạt động và đề xuất Ban Giám hiệu và Hội đồng trường điều chỉnh các nội dung hoặc các chỉ tiêu trong Kế hoạch (nếu có) để phù hợp với tình hình và điều kiện thực tiễn;

- Trách nhiệm báo cáo, giải trình với Hội đồng trường, Ban Giám hiệu: Các đơn vị chủ trì các hoạt động có trách nhiệm báo cáo về kết quả triển khai thực hiện, tiến độ triển khai các hoạt động; đánh giá những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục nhằm thực hiện tốt và đúng tiến độ Kế hoạch này; thực hiện việc giải trình khi có yêu cầu của Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 02 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
VA CHỦ TỊCH
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NHA TRANG
*Khổng Trung Thắng

PHỤ LỤC: KHUNG THỜI GIAN CÁC HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH NHÀ TRƯỜNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Cơ sở đào tạo	NH 2021-2022	NH 2022-2023	NH 2023-2024	NH 2024-2025
1	Kiểm định Nhà trường				
TT	Chương trình đào tạo				
1.	Công nghệ sinh học			Tự đánh giá giữa chu kỳ	
2.	Nuôi trồng thủy sản			Tự đánh giá giữa chu kỳ	
3.	Công nghệ thực phẩm				Tự đánh giá giữa chu kỳ
4.	Công nghệ thông tin				Tự đánh giá giữa chu kỳ
5.	Kế toán				Tự đánh giá giữa chu kỳ
6.	Quản trị kinh doanh			KĐ theo AUN-QA	Tự đánh giá giữa chu kỳ
7.	QTDVDL&Lữ hành				Tự đánh giá giữa chu kỳ
8.	Quản lý thủy sản				Tự đánh giá giữa chu kỳ
9.	Kỹ thuật cơ khí				
10.	Kinh doanh thương mại				
11.	Kỹ thuật xây dựng				
12.	Kỹ thuật điện				
13.	Kỹ thuật ô tô				
14.	Tài chính-Ngân hàng				
15.	Ngôn ngữ Anh				
16.	Kỹ thuật tàu thủy		Tự đánh giá giữa chu kỳ		
17.	Công nghệ chế biến TS		Tự đánh giá giữa chu kỳ		

